TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2020
Về việc: Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy

Đại diện VKSND huyện T1 tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 19xx.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vị Dương Đông, xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nơi tạm trú: Phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Tr, sinh năm 19xx

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vị Dương Đông, xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 6, trại giam Thanh Lâm, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên toà chị L và anh Tr đều vắng mặt và chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Tr tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình vào ngày 07 tháng 11 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước khi kết hôn, anh chị tìm hiểu chưa kỹ, chưa hiểu được tính cách của nhau nên khi về chung sống, tính tình không hợp và do anh Tr ham chơi bời, giao du với các thành phần xấu, không chịu khó lao động, không quan tâm chăm sóc chị và các con. Chị và gia đình hai

bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Tr không thay đổi. Đến tháng 8 năm 2018 chị đã dẫn 02 con vào Bình Dương sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Phạm Tr.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Thanh B, sinh ngày 28/7/2012 và Phạm Ngân K, sinh ngày 20/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do điều kiện ở xa và phải chăm sóc 02 con nhỏ nên chị xin được vắng mặt tại phiên Tòa.

* Tại bản tự khai có xác nhận của trại giam Thanh Lâm, bị đơn anh Phạm Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống bình thường đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn, chị L dẫn 02 con chung vào Bình Dương sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh giao du với những thành phần không tốt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị L xin ly hôn anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh xác nhận lời khai của chị L về con chung là đúng. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị L, anh Tr trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho chị L được ly hôn anh Tr. Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của các đương sự giao hai con chung là Phạm Thanh B, sinh ngày 28/7/2012 và Phạm Ngân K, sinh ngày 20/11/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, các bên có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn, nhưng nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đang chấp hành án phạt tù không thể tham gia phiên Tòa và đã có bản tự khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Tr xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là xã D) vào ngày 07/11/2011 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì thấy nguyên nhân chính là do trước khi kết hôn vợ chồng anh chị chưa tìm hiểu kỹ nên khi về chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng. Anh Tr và chị L đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh Tr đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L ly hôn đối với anh Tr.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị L và anh Tr đều xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Thanh B, sinh ngày 28/7/2012 và Phạm Ngân K, sinh ngày 20/11/2015. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn các đương sự đều có nguyện vọng giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Phạm Thanh B có đơn đề nghị được ở cùng mẹ. Hiện nay anh Tr đang phải chấp hành án phạt tù không thể trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của các đương sự tiếp tục giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị L phải chịu án phí ly hôn và các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Tr.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thanh B, sinh ngày 28/7/2012 và Phạm Ngân K, sinh ngày 20/11/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, anh Tr, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi chung và quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002135 ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Vắng mặt chị L, anh Tr báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện T1;
- Chi cục Thi hành án huyện T1;
- UBND xã D.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương